



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 326 + 327

Ngày 15 tháng 10 năm 2026

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

30-9-2026	Quyết định số 75/2026/QĐ-UBND quy định thẩm quyền phê duyệt hồ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo quy mô vốn đầu tư và địa bàn thực hiện liên kết trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	04
-----------	--	----

VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

19-8-2026	Quyết định số 5259/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực Giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.	08
-----------	--	----

19-8-2026	Quyết định số 5294/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính.	12
20-8-2026	Quyết định số 5399/QĐ-UBND về bãi bỏ Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	28
24-8-2026	Quyết định số 5462/QĐ-UBND về việc bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (trước sắp xếp) về tài sản cố định đặc thù và tài sản cố định vô hình.	30
25-8-2026	Quyết định số 5519/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Bộ đơn giá xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm hỗ trợ xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	32
25-8-2026	Quyết định số 5524/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực Viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ.	34
19-9-2026	Quyết định số 6055/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 131/2007/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế phối hợp quản lý, bảo trì, khai thác, nâng cấp và phát	39

triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính giữa Sở Giao thông - Công chính và Ủy ban nhân dân các quận - huyện.

- | | | |
|-----------|---|----|
| 19-9-2026 | Quyết định số 6059/QĐ-UBND về bãi bỏ Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về xây dựng và công bố một số chỉ số đánh giá thị trường bất động sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 41 |
| 21-9-2026 | Quyết định số 6072/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 24/2015/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy trình tiếp nhận, cho thuê, thuê mua và bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 43 |
| 21-9-2026 | Quyết định số 6089/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường. | 45 |

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 75/2026/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định thẩm quyền phê duyệt hồ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo quy mô vốn đầu tư và địa bàn thực hiện liên kết trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 23985/TTr-SNNMT-CCPTNT ngày 30 tháng 7 năm 2026;

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định quy định thẩm quyền phê duyệt hồ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo quy mô vốn đầu tư và địa bàn thực hiện liên kết trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định thẩm quyền phê duyệt hồ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo quy mô vốn đầu tư và địa bàn thực hiện liên

kết trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã).
- c) Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã)
- d) Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện phê duyệt hồ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo quy mô vốn đầu tư và địa bàn thực hiện liên kết trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Thẩm quyền phê duyệt hồ trợ liên kết

Việc phê duyệt hồ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện theo thẩm quyền như sau:

- 1. Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt đối với:
 - a) Dự án triển khai trên địa bàn từ 02 xã trở lên.
 - b) Dự án có tổng kinh phí hồ trợ từ ngân sách nhà nước từ 03 tỷ đồng trở lên và tối đa không quá 10 tỷ đồng.
- 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt đối với:

Dự án triển khai trên địa bàn cấp xã do mình quản lý và có tổng kinh phí hồ trợ từ ngân sách nhà nước dưới 03 tỷ đồng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

- 1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường
 - a) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt hồ trợ liên kết theo thẩm quyền quy định tại Điều 2 Quyết định này.
 - b) Hướng dẫn thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.
 - c) Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện hồ trợ liên kết trên địa bàn Thành phố;

d) Định kỳ hàng năm (trước ngày 20 tháng 12) hoặc khi có yêu cầu tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện việc phê duyệt hồ trợ liên kết theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 2 Quyết định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định phê duyệt thuộc thẩm quyền.

b) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn tổ chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến hồ trợ liên kết theo quy định; tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tham gia liên kết trên địa bàn.

c) Chủ động đề xuất, kiến nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết hoặc điều chỉnh những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn.

b) Cử đại diện tham gia Hội đồng thẩm định hồ sơ phê duyệt hồ trợ liên kết theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 12 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.

c) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các dự án liên kết thuộc thẩm quyền.

d) Định kỳ hàng năm (trước ngày 10 tháng 12) và đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định: Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về phân cấp phê duyệt hồ trợ liên kết theo quy mô vốn đầu tư và địa bàn thực hiện liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về phân cấp phê duyệt hồ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản

phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Minh Thạnh

VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5259/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ
lĩnh vực Giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một

cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 25936/TTr-SNNMT-VP ngày 12 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **05** thủ tục hành chính lĩnh vực Giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường, gồm: 02 thủ tục mới ban hành và 03 thủ tục bị bãi bỏ.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026. Riêng các thủ tục hành chính bị bãi bỏ có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VÀ BỊ BÃI BỎ
LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5259/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền
giải quyết của cấp xã**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030	Thời gian rà soát từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 hằng năm; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hồ Chí Minh; + Khu vực I: Số 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức. + Khu vực II: Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030; - Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030;
2	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong năm theo chuẩn nghèo đa chiều	Thời gian rà soát từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 8 hằng năm, trừ trường hợp đột xuất theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT;	+ Khu vực III: Số 4 Nguyễn Tất Thành,	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Quyết định số 3121/QĐ-BNNMT ngày 08 tháng 8 năm 2026 của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	quốc gia giai đoạn 2027-2030	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trước ngày 01 của tháng kế tiếp.	phường Bà Rịa. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.			trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong lĩnh vực giảm nghèo.

B. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã (kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027)

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định đã công bố danh mục thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Quyết định số 3329/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;
2	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm		- Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030;
3	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm		- Quyết định số 3121/QĐ-BNNMT ngày 08 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong lĩnh vực giảm nghèo.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5294/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
và bị bãi bỏ lĩnh vực Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã,
liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 22250/TTr-STC ngày 06 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **20** thủ tục hành chính lĩnh vực Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính, gồm: 19 thủ tục được sửa đổi, bổ sung và 01 thủ tục bị bãi bỏ.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục hành chính:

- Thứ tự A.1, A.2, A.3, A.5, A.6, A.8, A.14, A.16, A.18, A.19, A.20, A.21, A.22, A.25, A.26 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 3403/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính.

- Thứ tự A.1, A.2, A.3, A.4, A.5 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 3654/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Trung tâm Chuyên đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Cường

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
VÀ BỊ BỎ LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5294/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

A. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1.	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp (Mã TTHC: 2.002635)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hồ Chí Minh: + Khu vực I: Số 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức. + Khu	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 295/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác. - Quyết định số 1998/QĐ-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Bộ
2.	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.	vực II: Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương. + Khu	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Không	trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo (Mã TTHC: 2.002636)		vực III: Số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.			hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
3.	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023 (Mã TTHC: 2.002637)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hồ Chí Minh: + Khu vực I: Số 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức. + Khu vực II:	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 295/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác. - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy
4.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác (Mã TTHC: 2.002639)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Bình Dương. + Khu vực III: Số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa.		Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã;
5.	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác (Mã TTHC: 2.002642)	* Trường hợp thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác: - Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ theo quy định. * Trường hợp đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác: - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Kết thúc thời hạn 03 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận	Số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Không thu lệ phí đăng ký đổi với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. - Quyết định số 1998/QĐ-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác và ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của tổ hợp tác trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên. Thông tin về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác được Hệ thống thông tin về đăng ký hợp				sung, bãi bỏ trong lĩnh vực Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		tác xã truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật.				
6.	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 2.002649)	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Không	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
7.	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất (Mã TTHC: 1.005280)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.		Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	- Thành phố Hồ Chí Minh (cũ): 100.000 đồng/ lần cấp. - Tỉnh Bình Dương (cũ): 100.000 đồng/ lần cấp. - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ): + Liên hiệp hợp tác xã: 150.000 đồng/ lần cấp. + Hợp tác xã: 100.000 đồng/ lần cấp.	
8.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập; Đăng	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	- Thành phố Hồ Chí Minh (cũ): 100.000 đồng/ lần cấp. - Tỉnh Bình Dương (cũ): 50.000 đồng/ lần cấp. - Tỉnh Bà	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực (Mã hồ sơ TTHC: 1.005277)				Rịa - Vũng Tàu (cũ): 20.000 đồng/ lần cấp.	
9.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 1.004901)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	- Thành phố Hồ Chí Minh (cũ): 100.000 đồng/ lần cấp. - Tỉnh Bình Dương (cũ): 100.000 đồng/ lần cấp. - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ): + Liên hiệp hợp tác xã: 150.000 đồng/ lần cấp. + Hợp tác xã: 100.000	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					đồng/ lần cấp.	
10.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực (Mã TTHC: 1.004979)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Không	
11.	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 2.001958)	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.		Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Không	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
12.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 1.005378)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	- Thành phố Hồ Chí Minh (cũ): 100.000 đồng/lần cấp. - Tỉnh Bình Dương (cũ): 50.000 đồng/lần cấp. - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ): + Cửa Liên hiệp hợp tác xã: 100.000 đồng/lần cấp. + Cửa Hợp tác xã: 50.000 đồng/lần cấp.	
13.	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 1.004982)	- 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được nghị quyết giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký		Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Không	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		giải thể. - 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được nghị quyết giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mà không nhận được hồ sơ đăng ký giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.				
14.	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 1.005010) (*) <i>Áp dụng đối với trường hợp:</i> (1) <i>Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</i>	- Đối với trường hợp (1): + 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; + 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh; + 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp		Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Không	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	trong nước; (2) Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài.	xã thông báo tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác. - Đối với trường hợp (2): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.				
15.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác/ Giấy chứng nhận đăng ký hợp	01 ngày làm việc.		Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	- Thành phố Hồ Chí Minh (cũ): 100.000 đồng/ lần cấp.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	tác xã/ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy (Mã TTHC: 2.002638)				- Tỉnh Bình Dương (cũ): 30.000 đồng/ lần cấp. - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ): 20.000 đồng/ lần cấp.	
16.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (Mã TTHC: 2.002641)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Không	
17.	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ	01 ngày làm việc.			Không	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 2.002643)					
18.	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 2.002648)	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Không	
19.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.		Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	- Thành phố Hồ Chí Minh (cũ): 100.000 đồng/ lần cấp. - Tỉnh Bình Dương (cũ): 100.000 đồng/ lần cấp.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 2.002123)				- Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ): + Cửa Liên hiệp hợp tác xã: 100.000 đồng/lần cấp. + Cửa Hợp tác xã: 50.000 đồng/lần cấp.	

B. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định đã công bố danh mục TTHC	Tên Văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC
1.	2.002640	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	Quyết định số 3403/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính (<i>thứ tự A.6 Phụ lục II</i>).	Quyết định số 1998/QĐ-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5399/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về bãi bỏ Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2021
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế phối hợp
quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 24882/TTr-SXD-PC ngày 10 tháng 7 năm 2026; ý kiến thống nhất của các Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ**

Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Nguyên Dinh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5462/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh,
Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương
(trước sắp xếp) về tài sản cố định đặc thù và tài sản cố định vô hình**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 23584/TTr-STC ngày 19 tháng 8 năm 2026 về việc ban hành Quyết định bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (trước sắp xếp) về tài sản cố định đặc thù và tài sản cố định vô hình.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định**

1. Quyết định số 124/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ tính hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

3. Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định Danh mục tài sản cố định đặc thù và Danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Công Vinh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5519/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Bộ đơn giá xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm hỗ trợ xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 25834/TTr-SNNMT-TTCĐS ngày 12 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định**

Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Bộ đơn giá xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm hỗ trợ xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Minh Thạnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5524/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ
lĩnh vực Viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 16109/TTr-SNV ngày 18 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **05** thủ tục hành chính lĩnh vực Viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ, gồm: 02 thủ tục mới ban hành và 03 thủ tục bị bãi bỏ.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VÀ BỊ BÃI BỎ
LĨNH VỰC VIÊN CHỨC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ NỘI VỤ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5524/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1.	Thủ tục thi tuyển viên chức	Tối đa 140 ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển (theo Nghị định).	Người đăng ký dự tuyển nộp Phiếu đăng ký dự tuyển theo Thông báo tuyển dụng của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng.	- Cơ quan quản lý viên chức. - Cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý hoặc được giao trực tiếp quản lý đơn vị sự nghiệp công lập. - Đơn vị sự nghiệp công lập.	Phí dự tuyển dụng viên chức: - Dưới 100 thí sinh mức thu 500.000 đồng/thí sinh/lần dự thi. - Từ 100 đến dưới 500 thí sinh mức thu 400.000 đồng/thí sinh/lần dự thi. - Từ 500 thí sinh trở lên mức thu 300.000 đồng/thí sinh/lần dự thi.	- Luật Viên chức số 129/2025/QH15; - Nghị định 259/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. - Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng viên chức, viên chức. - Quyết định số 862/QĐ-BNV ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2.	Thủ tục xét tuyển viên chức	Tối đa 80 ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển (theo Nghị định).	Người đăng ký dự tuyển nộp Phiếu đăng ký dự tuyển theo Thông báo tuyển dụng của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng.	- Cơ quan quản lý viên chức. - Cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý hoặc được giao trực tiếp quản lý đơn vị sự nghiệp công lập. - Đơn vị sự nghiệp công lập.	- Phí dự tuyển dụng viên chức: - Dưới 100 thí sinh mức thu 500.000 đồng/thí sinh/lần dự thi; - Từ 100 đến dưới 500 thí sinh mức thu 400.000 đồng/thí sinh/lần dự thi; - Từ 500 thí sinh trở lên mức thu 300.000 đồng/thí sinh/lần dự thi.	- Luật Viên chức số 129/2025/QH15; - Nghị định 259/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. - Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng viên chức, viên chức. - Quyết định số 862/QĐ-BNV ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

B. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định đã công bố danh mục thủ tục hành chính	Tên VB quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1.	1.012299	Thủ tục thi tuyển viên chức	Thứ tự 1 Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ ban hành kèm theo Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.	- Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
2.	1.012300	Thủ tục xét tuyển viên chức	Thứ tự 2 Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ ban hành kèm theo Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.	- Quyết định số 862/QĐ-BNV ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 259/2026/NĐ-CP
3.	1.012301	Thủ tục tiếp nhận vào làm viên chức không giữ chức vụ quản lý	Thứ tự 1 Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ ban hành kèm theo Quyết định số 2158/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.	ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6055/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bãi bỏ Quyết định số 131/2007/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2007
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế
phối hợp quản lý, bảo trì, khai thác, nâng cấp và phát triển hệ thống
kết cấu hạ tầng giao thông công chính giữa Sở Giao thông - Công chính
và Ủy ban nhân dân các quận - huyện**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 22063/TTr-SXD-PC ngày 22 tháng 6 năm 2026 và Công văn số 27610/SXD-PC ngày 31 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ văn bản

Quyết định số 131/2007/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế phối hợp quản lý, bảo trì, khai thác, nâng cấp và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính giữa Sở Giao thông - Công chính và Ủy ban nhân dân các quận - huyện.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu Côn Đảo và các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Nguyên Đình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6059/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về bãi bỏ Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2012
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về
xây dựng và công bố một số chỉ số đánh giá thị trường bất động sản
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 29588/TTr-SXD-QLN&TTBDS ngày 14 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ**

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về việc xây dựng và công bố một số chỉ số đánh giá thị trường bất động sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Trưởng Thuế thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Nguyên Dinh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6072/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bãi bỏ Quyết định số 24/2015/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2015
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy trình tiếp nhận,
cho thuê, thuê mua và bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 29986/TTr-SXD-QLN&TTBĐS ngày 18 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định**

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 24/2015/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy trình tiếp nhận, cho thuê, thuê mua và bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu Côn Đảo và các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Nguyên Dinh

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6089/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Thủy sản
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 30042/TTr-SNNMT-VP ngày 11 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này **05** thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường, quy định tại Nghị quyết số 30/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề; hỗ trợ giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chính sách hỗ trợ lắp đặt, thay thế thiết bị giám sát hành trình tàu cá, duy trì kết nối hệ thống thiết bị giám sát hành trình tàu cá, cước phí dịch vụ nhật ký điện tử cho tàu cá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH
LĨNH VỰC THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 6089/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh

Stt	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1	Hỗ trợ lắp đặt, thay thế thiết bị giám sát hành trình tàu cá	(1) Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; (2) Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; (3) Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; (4) Nghị định số 41/2026/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; (5) Thông tư số 81/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; kiểm tra tàu cá và giám sát sản lượng thủy sản tại cảng; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác; (6) Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Quy định chính sách hỗ trợ lắp đặt, thay thế thiết bị giám sát hành trình tàu cá, duy trì kết nối hệ thống thiết bị giám	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan quản lý thủy sản Thành phố; - Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp xã, đại diện Cơ quan quản lý thủy sản Thành phố, Bộ đội Biên phòng và các cơ quan, đơn vị liên quan.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		sát hành trình tàu cá, cước phí dịch vụ nhật ký điện tử cho tàu cá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	
2	Hỗ trợ duy trì kết nối hệ thống thiết bị giám sát hành trình tàu cá	(1) Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; (2) Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; (3) Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; (4) Nghị định số 41/2026/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; (5) Thông tư số 81/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; kiểm tra tàu cá và giám sát sản lượng thủy sản tại cảng; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác; (6) Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Quy định chính sách hỗ trợ lắp đặt, thay thế thiết bị giám sát hành trình tàu cá, duy trì kết nối hệ thống thiết bị giám sát hành trình tàu cá, cước phí dịch vụ nhật ký điện tử cho tàu cá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan quản lý thủy sản Thành phố; - Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp xã, đại diện Cơ quan quản lý thủy sản Thành phố, Bộ đội Biên phòng và các cơ quan, đơn vị liên quan.
3	Hỗ trợ cước phí nhật ký khai thác điện tử tàu cá	(1) Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; (2) Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; (3) Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan quản lý thủy sản Thành phố;

Stt	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; (4) Nghị định số 41/2026/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; (5) Thông tư số 81/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; kiểm tra tàu cá và giám sát sản lượng thủy sản tại cảng; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác; (6) Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Quy định chính sách hỗ trợ lắp đặt, thay thế thiết bị giám sát hành trình tàu cá, duy trì kết nối hệ thống thiết bị giám sát hành trình tàu cá, cước phí dịch vụ nhật ký điện tử cho tàu cá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp xã, đại diện Cơ quan quản lý thủy sản Thành phố, Bộ đội Biên phòng và các cơ quan, đơn vị liên quan.

B. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã

Stt	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1	Hỗ trợ giải bản tàu cá	(1) Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; (2) Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; (3) Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; (4) Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về quy định chính	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã; - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã; - Cơ quan phối hợp (nếu có): các cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp xã, đại diện Cơ quan quản lý thủy sản Thành phố, Bộ đội Biên phòng và các cơ quan, đơn vị liên quan.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng; (5) Nghị quyết số 30/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề; hỗ trợ giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thủy sản	(1) Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; (2) Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; (3) Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; (4) Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng; (5) Nghị quyết số 30/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề; hỗ trợ giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã; - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã; - Cơ quan phối hợp (nếu có): các cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp xã, đại diện Cơ quan quản lý thủy sản Thành phố, Bộ đội Biên phòng và các cơ quan, đơn vị liên quan.

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Hỗ trợ lắp đặt, thay thế thiết bị giám sát hành trình tàu cá

1) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sau khi hoàn thành lắp đặt, thay thế thiết bị giám sát hành trình tàu cá, chủ tàu cá nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.

Bước 2:

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kiểm tra, thẩm định, rà soát thành phần hồ sơ, điều kiện được hỗ trợ và xác định số kinh phí được hỗ trợ theo quy định, tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trường hợp phát hiện hồ sơ, chứng từ không hợp lệ hoặc tàu cá không đảm bảo điều kiện được hỗ trợ theo quy định, cơ quan quản lý thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản thông báo cho chủ tàu cá được biết trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho chủ tàu cá.

Bước 4: Căn cứ Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tài chính lập thủ tục cấp kinh phí hỗ trợ đến Ủy ban nhân dân cấp xã, đồng gửi Kho bạc Nhà nước để tổ chức thực hiện chi trả hỗ trợ cho ngư dân theo quy định.

Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, cấp phát và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ các chính sách của Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định có liên quan.

(2) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ theo mẫu 01;

+ Hợp đồng, hóa đơn, chứng từ thanh toán tiền mua thiết bị giám sát hành trình, biên bản lắp đặt, biên bản nghiệm thu sản phẩm theo quy định (bản chính).

- Số lượng: 01 bộ.

(4) Thời hạn giải quyết: 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức hoặc cá nhân là chủ tàu cá có đăng ký kinh doanh và thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh có tàu cá được đăng ký thuộc diện bắt buộc phải lắp đặt.

(6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan quản lý thủy sản Thành phố;

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp xã, đại diện Cơ quan quản lý thủy sản Thành phố, Bộ đội Biên phòng và các cơ quan, đơn vị liên quan.

(7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho chủ tàu cá.

(8) Lệ phí, phí (nếu có): Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị hỗ trợ lắp đặt, thay thế thiết bị giám sát hành trình tàu cá theo Mẫu số 01.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Tàu cá được hỗ trợ lắp đặt, thay thế thiết bị giám sát hành trình tàu cá phải đạt đủ các điều kiện sau:

1. Tàu cá đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, có tên trong sổ đăng ký tàu cá Quốc gia.

2. Các tổ chức hoặc cá nhân là chủ tàu cá có đăng ký kinh doanh và thường trú

tại Thành phố Hồ Chí Minh có tàu cá được đăng ký thuộc diện bắt buộc phải lắp đặt.

(11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;
- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
- Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Nghị định số 41/2026/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;
- Thông tư số 81/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; kiểm tra tàu cá và giám sát sản lượng thủy sản tại cảng; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác;
- Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định chính sách hỗ trợ lắp đặt, thay thế thiết bị giám sát hành trình tàu cá, duy trì kết nối hệ thống thiết bị giám sát hành trình tàu cá, cước phí dịch vụ nhật ký điện tử cho tàu cá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LẮP ĐẶT, THAY THẾ THIẾT BỊ GIÁM SÁT
HÀNH TRÌNH TÀU CÁ**

Kính gửi: Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư Thành phố Hồ Chí Minh

I. THÔNG TIN CHỦ TÀU CÁ

- Tên tổ chức, cá nhân:
-
- Số Căn cước/CCCD:
- Địa chỉ thường trú:
- Điện thoại liên lạc:
- Số tài khoản ngân hàng nhận kinh phí hỗ trợ:
- Tên chủ tài khoản:; tại Ngân hàng:

II. NỘI DUNG HỖ TRỢ LẮP ĐẶT, THAY THẾ THIẾT BỊ GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH TÀU CÁ

1. Đề nghị hỗ trợ kinh phí mua thiết bị giám sát hành trình tàu cá: BV-....-TS hoặc SG-....-TS

- Thông tin thiết bị giám sát hành trình:
- Nhà sản xuất/đơn vị cung cấp:
- Ký hiệu thiết bị:
- Mã số kẹp chì:

2. Kinh phí đề nghị hỗ trợ:đồng/thiết bị.

Bằng chữ:

III. CAM KẾT CÁ NHÂN TỔ CHỨC

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây;
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

Đề nghị Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, giải quyết./.

..., ngày... tháng... năm ...

Đại diện tổ chức, cá nhân

(ký tên - đóng dấu/ghi rõ họ tên)

2. Hỗ trợ duy trì kết nối hệ thống thiết bị giám sát hành trình tàu cá

(1) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hàng năm, chủ tàu cá sau khi hoàn thành đóng cước phí dịch vụ vệ tinh thiết bị giám sát hành trình tàu cá, nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp, chậm nhất vào ngày 01 tháng 11 hàng năm.

Bước 2:

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kiểm tra, thẩm định, rà soát thành phần hồ sơ, điều kiện được hỗ trợ, xác định cụ thể thời gian, kinh phí được hỗ trợ cho chủ tàu theo quy định, tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trường hợp phát hiện hồ sơ, chứng từ không hợp lệ hoặc tàu cá không đảm bảo điều kiện được hỗ trợ theo quy định, cơ quan quản lý thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản thông báo cho chủ tàu cá được biết trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho chủ tàu cá.

Bước 4: Căn cứ Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tài chính lập thủ tục cấp kinh phí hỗ trợ đến Ủy ban nhân dân cấp xã, đồng gửi Kho bạc nhà nước để tổ chức thực hiện chi trả hỗ trợ cho ngư dân theo quy định.

Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, cấp phát và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ các chính sách của Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định có liên quan.

(2) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ theo mẫu 02;

+ Bản sao Hợp đồng thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá đã ký kết giữa đơn vị cung cấp dịch vụ với tổ chức, cá nhân chủ sở hữu tàu cá; hóa đơn, chứng từ chi trả chi phí dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá.

- Số lượng: 01 bộ.

(4) Thời hạn giải quyết: 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

a) Các tổ chức hoặc cá nhân là chủ tàu cá có đăng ký kinh doanh và thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh có tàu cá được đăng ký thuộc diện bắt buộc phải lắp đặt và vận hành thiết bị giám sát hành trình tàu cá.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

(6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan quản lý thủy sản Thành phố;

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp xã, đại diện Cơ quan quản lý thủy sản Thành phố, Bộ đội Biên phòng và các cơ quan, đơn vị liên quan.

(7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho chủ tàu cá.

(8) Lệ phí, phí (nếu có): Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị hỗ trợ duy trì kết nối hệ thống thiết bị giám sát hành trình tàu cá theo Mẫu số 02.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Tàu cá được hỗ trợ duy trì kết nối hệ thống thiết bị giám sát hành trình tàu cá phải đạt đủ các điều kiện sau:

1. Tàu cá đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, có tên trong sổ đăng ký tàu cá Quốc gia.

2. Các tổ chức hoặc cá nhân là chủ tàu cá có đăng ký kinh doanh và thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh có tàu cá được đăng ký thuộc diện bắt buộc phải lắp đặt

và vận hành thiết bị giám sát hành trình tàu cá.

(11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;
- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
- Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Nghị định số 41/2026/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;
- Thông tư số 81/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; kiểm tra tàu cá và giám sát sản lượng thủy sản tại cảng; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác;
- Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định chính sách hỗ trợ lắp đặt, thay thế thiết bị giám sát hành trình tàu cá, duy trì kết nối hệ thống thiết bị giám sát hành trình tàu cá, cước phí dịch vụ nhật ký điện tử cho tàu cá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ DUY TRÌ KẾT NỐI HỆ THỐNG
THIẾT BỊ GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH TÀU CÁ

Kính gửi: Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư Thành phố Hồ Chí Minh

I. THÔNG TIN CHỦ TÀU CÁ

- Tên tổ chức, cá nhân:
-
- Số Căn cước/CCCD:
- Địa chỉ thường trú:
- Điện thoại liên lạc:
- Số tài khoản ngân hàng nhận kinh phí hỗ trợ:
- Tên chủ tài khoản:; tại Ngân hàng:

II. THÔNG TIN TÀU CÁ SỐ TÀU

1. Đề nghị hỗ trợ cước phí duy trì kết nối hệ thống thiết bị giám sát hành trình tàu cá: BV-....-TS hoặc SG-....-TS

- Thông tin thiết bị giám sát hành trình:.....
- Hợp đồng thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá:

.....

.....

2. Kinh phí đề nghị hỗ trợ:đồng.

Bằng chữ:

III. CAM KẾT CÁ NHÂN TỔ CHỨC

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây;
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

Đề nghị Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, giải quyết./.

..., ngày... tháng... năm ...
Đại diện tổ chức, cá nhân
(ký tên - đóng dấu/ghi rõ họ tên)

3. Hỗ trợ cước phí nhật ký khai thác điện tử tàu cá

(1) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hàng năm, chủ tàu cá sau khi hoàn thành đóng cước phí nhật ký khai thác điện tử tàu cá, nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ cước phí dịch vụ nhật ký khai thác điện tử qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp, chậm nhất vào ngày 01 tháng 11 hàng năm.

Bước 2:

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kiểm tra, thẩm định, rà soát thành phần hồ sơ, điều kiện được hỗ trợ, xác định cụ thể thời gian, kinh phí được hỗ trợ cho chủ tàu theo quy định, tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trường hợp phát hiện hồ sơ, chứng từ không hợp lệ hoặc tàu cá không đảm bảo điều kiện được hỗ trợ theo quy định, cơ quan quản lý thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản thông báo cho chủ tàu cá được biết trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho chủ tàu cá.

Bước 4: Căn cứ Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tài chính lập thủ tục cấp kinh phí hỗ trợ đến Ủy ban nhân dân cấp xã, đồng gửi Kho bạc nhà nước để tổ chức thực hiện chi trả hỗ trợ cho ngư dân theo quy định.

Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, cấp phát và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ các chính sách của Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định có liên quan.

(2) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị hỗ trợ theo mẫu 03; Bản sao Hợp đồng dịch vụ nhật ký khai thác điện tử tàu cá đã ký kết giữa đơn vị cung cấp dịch vụ với tổ chức, cá nhân chủ sở hữu tàu cá; hóa đơn, chứng từ chi trả chi phí dịch vụ nhật ký khai thác điện tử tàu cá.

- Số lượng: 01 bộ.

(4) Thời hạn giải quyết: 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

a) Các tổ chức hoặc cá nhân là chủ tàu cá có đăng ký kinh doanh và thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh có tàu cá được đăng ký thuộc diện lắp nhật ký điện tử theo quy định.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

(6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan quản lý thủy sản Thành phố;

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp xã, đại diện Cơ quan quản lý thủy sản Thành phố, Bộ đội Biên phòng và các cơ quan, đơn vị liên quan.

(7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho chủ tàu cá.

(8) Lệ phí, phí (nếu có): Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị hỗ trợ cước phí dịch vụ nhật ký khai thác điện tử theo Mẫu số 03.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Tàu cá được hỗ trợ cước phí dịch vụ nhật ký khai thác điện tử phải đạt đủ các điều kiện sau:

1. Tàu cá đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, có tên trong sổ đăng ký tàu cá Quốc gia.

2. Các tổ chức hoặc cá nhân là chủ tàu cá có đăng ký kinh doanh và thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh có tàu cá được đăng ký thuộc diện lắp nhật ký điện tử

theo quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;
- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
- Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Nghị định số 41/2026/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;
- Thông tư số 81/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; kiểm tra tàu cá và giám sát sản lượng thủy sản tại cảng; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác;
- Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định chính sách hỗ trợ lắp đặt, thay thế thiết bị giám sát hành trình tàu cá, duy trì kết nối hệ thống thiết bị giám sát hành trình tàu cá, cước phí dịch vụ nhật ký điện tử cho tàu cá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CUỘC PHÍ DỊCH VỤ NHẬT KÝ
KHAI THÁC ĐIỆN TỬ TÀU CÁ**

Kính gửi: Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư Thành phố Hồ Chí Minh

I. THÔNG TIN CHỦ TÀU CÁ

- Tên tổ chức, cá nhân:
 - Số Căn cước/CCCD:
 - Địa chỉ thường trú:
 - Điện thoại liên lạc:
 - Số tài khoản ngân hàng nhận kinh phí hỗ trợ:
- Tên chủ tài khoản:; tại Ngân hàng:

II. THÔNG TIN TÀU CÁ SỐ TÀU

1. Đề nghị hỗ trợ cước phí dịch vụ nhật ký khai thác điện tử tàu cá: BV-....-TS
hoặc SG-....-TS

Thông tin thiết bị nhật ký khai thác điện tử tàu cá:

Hợp đồng dịch vụ nhật ký khai thác điện tử tàu cá

2. Kinh phí đề nghị hỗ trợ: đồng.

Bằng chữ:

III. CAM KẾT CÁ NHÂN TỔ CHỨC

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây;
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

Đề nghị Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, giải quyết.

..., ngày... tháng... năm ...
Đại diện tổ chức, cá nhân
(ký tên - đóng dấu/ghi rõ họ tên)

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Hỗ trợ giải bản tàu cá

(1) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các tổ chức, cá nhân nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp;

Bước 2:

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tàu cá thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ, thành phần gồm: đại diện các cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp xã, đại diện Cơ quan quản lý thủy sản Thành phố, Bộ đội Biên phòng và các cơ quan, đơn vị liên quan, để tiến hành kiểm tra hồ sơ, thẩm định nội dung, xác định số kinh phí hỗ trợ của từng đối tượng và ban hành Quyết định hỗ trợ theo Mẫu số 03;

- Trường hợp hồ sơ không đảm bảo đủ điều kiện hỗ trợ thì Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho chủ tàu cá biết và nêu rõ lý do.

Bước 3: Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc phối hợp cơ quan Kho bạc nhà nước khu vực thực hiện thủ tục cấp kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

(2) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị hỗ trợ giải bản tàu cá theo Mẫu số 01.
- Số lượng: 01 bộ.

(4) Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định và phê duyệt Quyết định hỗ trợ: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian cấp phát kinh phí: 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định

hỗ trợ.

(5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Các tổ chức hoặc cá nhân là chủ tàu cá đã đăng ký hoạt động trong lĩnh vực khai thác thủy sản tại Thành phố Hồ Chí Minh, thuyền viên làm việc trên tàu 2 cá, thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu không hoạt động khai thác thủy sản, tự nguyện giải bản tàu cá;

- Các tổ chức hoặc cá nhân là chủ tàu cá đã đăng ký hoạt động trong lĩnh vực khai thác thủy sản tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc nhóm nghề khai thác có tính xâm hại đến nguồn lợi thủy sản và môi trường sinh thái biển có nhu cầu chuyển đổi nghề;

- Thành viên hộ gia đình của chủ tàu cá có hộ khẩu thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh đang cùng sinh sống thực tế trực tiếp tham gia hoạt động khai thác hoặc sống phụ thuộc vào nghề khai thác thủy sản;

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

(6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): các cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp xã, đại diện Cơ quan quản lý thủy sản Thành phố, Bộ đội Biên phòng và các cơ quan, đơn vị liên quan.

(7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hỗ trợ theo Mẫu số 03.

(8) Lệ phí, phí (nếu có): Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị hỗ trợ giải bản tàu cá theo Mẫu số 01.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Chủ tàu cá được hỗ trợ giải bản phải đạt đủ các điều kiện sau:

1. Tàu cá đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, có tên trong sổ đăng ký tàu cá Quốc gia.

2. Chủ tàu cá cam kết không có tranh chấp về quyền sở hữu tàu cá, không dùng tàu cá làm tài sản bảo đảm thế chấp tại các tổ chức tín dụng; tàu cá không thuộc kê biên thi hành án.

3. Trước khi thực hiện giải bản tàu cá, chủ tàu cá phải đăng ký và thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chủ tàu thường trú và cơ quan quản lý thủy sản Thành phố biết tham dự kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện. Chi phí giải bản do chủ tàu cá chi trả.

4. Có Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá do cơ quan quản lý thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

(11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;

- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

- Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

- Nghị quyết số 30/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định chính sách hỗ trợ lắp đặt, thay thế thiết bị giám sát hành trình tàu cá, duy trì kết nối hệ thống thiết bị giám sát hành trình tàu cá, cước phí dịch vụ nhật ký điện tử cho tàu cá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số 01

TÊN CÁ NHÂN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ GIẢI BẢN TÀU CÁ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường.....

I. THÔNG TIN CHỦ TÀU CÁ

- Tên tổ chức, cá nhân:

.....

- Số Căn cước/CCCD:

.....

- Địa chỉ thường trú:

- Điện thoại liên lạc:

- Số tài khoản ngân hàng nhận kinh phí hỗ trợ:..... ;

Tên chủ tài khoản:; tại Ngân hàng:

II. THÔNG TIN TÀU CÁ

1. Số đăng ký:

2. Chiều dài (L_{max}): mét.

3. Trọng lượng thân vỏ tàu cá: tấn

4. Công suất máy chính tàu cá: kW/CV

5. Số lượng thuyền viên đề nghị hỗ trợ học nghề: người

6. Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá số:....., do cơ quan quản lý thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày .../.../.....

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ theo quy định	Kinh phí đề nghị hỗ trợ
1	Hỗ trợ giải bán tàu cá	Lmax		
2	Hỗ trợ học nghề	Người		
Tổng cộng:				

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:

Bằng chữ:

IV. CÁ NHÂN TỔ CHỨC CAM KẾT

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Tàu cá không có tranh chấp về quyền sở hữu tàu cá, không dùng tàu cá làm tài sản bảo đảm thế chấp tại các tổ chức tín dụng; tàu cá không thuộc kê biên thi hành án.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KT/KTHTĐT;
- Lưu.

..., ngày... tháng... năm ...

Đại diện tổ chức, cá nhân

(ký tên - đóng dấu/ghi rõ họ và tên)

Mẫu số 03

UBND XÃ/PHƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

....., ngàythángnăm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc hỗ trợ giải bản tàu cá/chuyển đổi nghề theo****Nghị quyết số/....NQ- HĐND ngày của HĐND Thành phố
đối với (tên cá nhân, tổ chức)....****ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG***Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;**Căn cứ Nghị quyết số/....NQ-HĐND ngày tháng năm .. của Hội đồng nhân dân Thành phố Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn Thành phố**Theo đề nghị của tại Tờ trình số ngày về việc***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Hỗ trợ (tên cá nhân, tổ chức).... theo Nghị quyết số/ /NQ-HĐND ngày tháng năm của Hội đồng nhân dân Thành phố Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn Thành phố, cụ thể như sau:

Stt	Hạng mục/nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí	Ghi chú
1	Hỗ trợ giải bản				
	Tàu cá có số đăng ký	Lmax			
					
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề				

Stt	Hạng mục/nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí	Ghi chú
	Tàu cá có số đăng ký	Lmax			
					
3	Hỗ trợ ổn định đời sống	Người			
4	Hỗ trợ đào tạo nghề	Người			
	Tổng cộng:				

Bảng chữ:

Điều 2. Giao trách nhiệm

1.(cơ quan có thẩm quyền phân bổ kinh phí) phân bổ chi tiết và cấp phát kinh phí thực hiện theo quy định tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước địa phương hiện hành.

2. (cơ quan có thẩm quyền thẩm định) chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. (Thủ trưởng các đơn vị liên quan, tên tổ chức, cá nhân ...) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
-
- Lưu: VT,

UBND XÃ/PHƯỜNG

(Ký tên/đóng dấu)

2. Hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thủy sản

(1) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các tổ chức, cá nhân nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp;

Bước 2:

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tàu cá thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ, thành phần gồm: đại diện các cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp xã, đại diện Cơ quan quản lý thủy sản Thành phố, Bộ đội Biên phòng và các cơ quan, đơn vị liên quan, để tiến hành kiểm tra hồ sơ, thẩm định nội dung, xác định số kinh phí hỗ trợ và ban hành Quyết định hỗ trợ theo Mẫu số 03;

- Trường hợp hồ sơ không đảm bảo đủ điều kiện hỗ trợ thì Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho chủ tàu cá biết và nêu rõ lý do.

Bước 3: Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc phối hợp cơ quan Kho bạc nhà nước khu vực thực hiện thủ tục cấp kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

(2) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị hỗ trợ chuyển đổi nghề tàu cá theo Mẫu số 02.
- Số lượng: 01 bộ.

(4) Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định và phê duyệt Quyết định hỗ trợ: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian cấp phát kinh phí: 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định hỗ trợ.

(5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Các tổ chức hoặc cá nhân là chủ tàu cá đã đăng ký hoạt động trong lĩnh vực khai thác thủy sản tại Thành phố Hồ Chí Minh, thuyền viên làm việc trên tàu 2 cá, thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu không hoạt động khai thác thủy sản, tự nguyện giải bản tàu cá;

- Các tổ chức hoặc cá nhân là chủ tàu cá đã đăng ký hoạt động trong lĩnh vực khai thác thủy sản tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc nhóm nghề khai thác có tính xâm hại đến nguồn lợi thủy sản và môi trường sinh thái biển có nhu cầu chuyển đổi nghề;

- Thành viên hộ gia đình của chủ tàu cá có hộ khẩu thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh đang cùng sinh sống thực tế trực tiếp tham gia hoạt động khai thác hoặc sống phụ thuộc vào nghề khai thác thủy sản;

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

(6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp xã, đại diện Cơ quan quản lý thủy sản Thành phố, Bộ đội Biên phòng và các cơ quan, đơn vị liên quan.

(7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hỗ trợ theo Mẫu số 03.

(8) Lệ phí, phí (nếu có): Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị hỗ trợ chuyển đổi nghề tàu cá theo Mẫu số 02.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Chủ tàu cá được hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thủy sản phải đảm bảo đạt đủ các điều kiện sau:

1. Trước khi thực hiện chuyển đổi nghề trên tàu cá, chủ tàu cá phải thông báo cho cơ quan quản lý thủy sản Thành phố biết để phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Tàu cá đã hoàn thành việc chuyển đổi nghề khai thác thủy sản; đã thực hiện thủ tục đăng ký và cấp giấy phép khai thác thủy sản đối với nghề chuyển đổi.

3. Có đầy đủ các giấy tờ liên quan: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét; Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá còn hạn sử dụng tối thiểu 03 tháng, Giấy phép khai thác thủy sản tàu cá còn hạn sử dụng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên.

4. Chủ tàu cá phải cam kết sử dụng ngư cụ, trang thiết bị phục vụ khai thác trên tàu sau khi chuyển đổi nghề tối thiểu là 03 năm (36 tháng) kể từ ngày nhận được kinh phí hỗ trợ theo quy định và sau đó không được quay lại nghề cũ.

(11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;

- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

- Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

- Nghị quyết số 30/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề; hỗ trợ giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ
HỖ TRỢ CHUYỂN ĐỔI NGHỀ KHAI THÁC THỦY SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường.....

I. THÔNG TIN CHỦ TÀU CÁ

- Tên tổ chức, cá nhân:

.....

- Số Căn cước/CCCD:

.....

- Địa chỉ thường trú:

.....

- Điện thoại liên lạc:

.....

- Số tài khoản ngân hàng nhận kinh phí hỗ trợ:

Tên chủ tài khoản:; tại Ngân hàng:

II. THÔNG TIN TÀU CÁ

1. Số đăng ký:, nghề sau khi chuyển đổi:.....

2. Chiều dài (Lmax): mét.

3. Trọng lượng thân vỏ tàu cá: tấn

4. Công suất máy chính tàu cá: kW/CV

5. Số thành viên trong hộ gia đình của chủ tàu cá: người

6. Thông tin các giấy tờ liên quan đến tàu cá :

- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá số:....., do cơ quan/đơn vị đăng kiểm:....., cấp ngày .../.../..., có hiệu lực đến ngày .../.../....

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số:....., do cơ quan quản lý thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày .../.../.....

- Giấy phép khai thác thủy sản tàu cá số:....., do cơ quan quản lý thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày .../.../.....

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ theo quy định	Kinh phí đề nghị hỗ trợ
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	Lmax		
2	Hỗ trợ ổn định đời sống	Người		
Tổng cộng:				

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:

Bằng chữ:

IV. CÁ NHÂN TỔ CHỨC CAM KẾT

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây;

2. Sử dụng ngư cụ, trang thiết bị phục vụ khai thác trên tàu sau khi chuyển đổi nghề tối thiểu là 03 năm (36 tháng) kể từ ngày nhận được kinh phí hỗ trợ theo quy định và sau đó không quay lại nghề cũ.

3. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KT/KTHTĐT;
- Lưu.

..., ngày... tháng... năm ...

Đại diện tổ chức, cá nhân

(ký tên - đóng dấu/ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03

UBND XÃ/PHƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

....., ngàythángnăm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc hỗ trợ giải bản tàu cá/chuyển đổi nghề theo****Nghị quyết số/....NQ- HĐND ngày của HĐND Thành phố
đối với (tên cá nhân, tổ chức)....****ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG***Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;**Căn cứ Nghị quyết số/....NQ-HĐND ngày tháng năm .. của Hội đồng nhân dân Thành phố Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn Thành phố**Theo đề nghị của tại Tờ trình số ngày về việc***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Hỗ trợ (tên cá nhân, tổ chức).... theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm của Hội đồng nhân dân Thành phố Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn Thành phố, cụ thể như sau:

Stt	Hạng mục/nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí	Ghi chú
1	Hỗ trợ giải bản				
	Tàu cá có số đăng ký	Lmax			
					

Stt	Hạng mục/nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí	Ghi chú
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề				
	Tàu cá có số đăng ký	Lmax			
					
3	Hỗ trợ ổn định đời sống	Người			
4	Hỗ trợ đào tạo nghề	Người			
	Tổng cộng:				

Bảng chữ:

Điều 2. Giao trách nhiệm

1.(cơ quan có thẩm quyền phân bổ kinh phí) phân bổ chi tiết và cấp phát kinh phí thực hiện theo quy định tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước địa phương hiện hành.

2. (cơ quan có thẩm quyền thẩm định) chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. (Thủ trưởng các đơn vị liên quan, tên tổ chức, cá nhân ...) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
-
- Lưu: VT,

UBND XÃ/PHƯỜNG

(Ký tên/đóng dấu)

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, phường Sài Gòn

Điện thoại: (028)38.233.686

Fax: (028)38.233.694

Email: t tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: <https://congbao.hochiminhcity.gov.vn>